**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN P**
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2022
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Nguyễn Hùng Phước

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 09 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Trần Thúy L1,** sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: ông **Lê Hoàng L2,** sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp P1, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

*(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nguyên đơn – bà Trần Thúy L1 trình bày*: bà và ông Lê Hoàng L2 sau thời gian tự tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ ngày 19/4/2019. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng ông bà luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông L2 không lo làm ăn và ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến khoảng tháng 7/2019 thì bà bỏ về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với ông L2 cho đến nay. Vợ chồng bà hiện nay đã không còn tình cảm với nhau nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông L2. Bà và ông L2 có 01 người con chung là Lê Mỹ T (nữ) sinh

ngày 06/02/2019, bà yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nuôi con. Ông bà không có tài sản chung và nợ chung.

*Phía bị đơn – ông Lê Hoàng L2 trình bày*: trước yêu cầu ly hôn của bà L1 thì ông đồng ý. Ông bà có 01 con chung là Lê Mỹ T (nữ), sinh ngày 06/02/2019, ông đồng ý giao con cho bà L1 nuôi dưỡng. Ông bà không có tài sản chung và nợ chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thúy L1 và ông Lê Hoàng L2 xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46/2019 ngày 19/4/2019 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 29/3/2021 bà L1 yêu cầu ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Hoàng L2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông L2 đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thúy L1: bà L1 xác định không còn tình cảm với ông L2 và có yêu cầu ly hôn. Phía bị đơn cũng đồng ý ly hôn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cho thấy cả hai bên không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng. Mâu thuẫn giữa bà L1 và ông L2 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên việc bà L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L2 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung, bà L1 và ông L2 có 01 con chung tên Lê Mỹ T (nữ) sinh ngày 06/02/2019, bà L1 yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu T chung sống với bà L1 từ nhỏ, ông L2 cũng đồng ý giao con cho bà L1 nuôi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự. Do bà L1 không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn, bị đơn thống nhất là không có.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thúy L1 đối với ông Lê Hoàng L2.

- *Về con chung:* giao Lê Mỹ T (nữ) sinh ngày 06/02/2019 cho bà L1 nuôi dưỡng. Ông L2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông L2, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà L1 nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 0007039 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

***Liêng Thị Hồng Hoa***

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã N;
- Lưu HS (2b).